TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **260**/2024/QĐST-HNGĐ	*Quốc Oai, ngày 26 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2024/TLST – HN&GĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc "Xin ly hôn" giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hương T**, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 037192004104 cấp ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; đăng ký thường trú: xóm 4, thôn Tình Lam, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội;

* Bị đơn: Anh **Trần Xuân B**, sinh năm 1991; căn cước công dân số: 001091056247 cấp ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; đăng ký thường trú và nơi ở: xóm 4, thôn T, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội;

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 và của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Hương T và anh Trần Xuân B là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2020 ký ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

[2] Việc ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Trần Thị Hương T** và anh **Trần Xuân B**

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị xác nhận 01 con chung là cháu **Trần Tuệ N**, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2021; Giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N. Anh B thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (*ba triệu*) đồng/01 tháng, kể từ ngày ký quyết định cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác;

Anh Trần Xuân B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh chị xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo về nhà ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về khoản nợ: Anh chị xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Hương T tự nguyện chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0020293 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- UBND xã Đ, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long